



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG MƯỜI MỘT VÀ 11 THÁNG NĂM 2025

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 20/11/2025 so với cùng kỳ năm trước



1.541,3 nghìn ha

▼ 0,3%

Lúa mùa

716,6 nghìn ha

▼ 0,2%

Lúa thu đông

109,4

nghìn ha

▼ 7,7%

Ngô

18,0

nghìn ha

▼ 10,4%

Khoai lang

8,9

nghìn ha

▼ 12,7%

Lạc

2,8

nghìn ha

▼ 6,7%

Đậu tương

163,9

nghìn ha

▼ 8,5%

Rau các loại

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 11/2025 so với cùng thời điểm năm trước



Lợn

▲ 0,3%



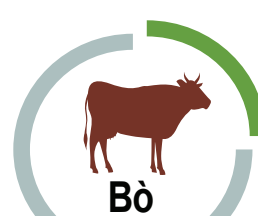
Gia cầm

▲ 2,8%



Trâu

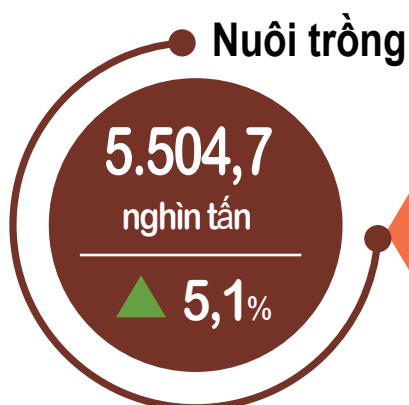
▼ 4,0%



Bò

▼ 1,1%

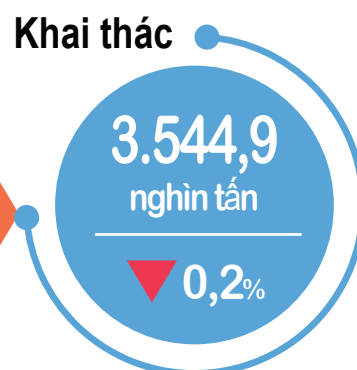
Sản lượng thủy sản 11 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



TỔNG SỐ

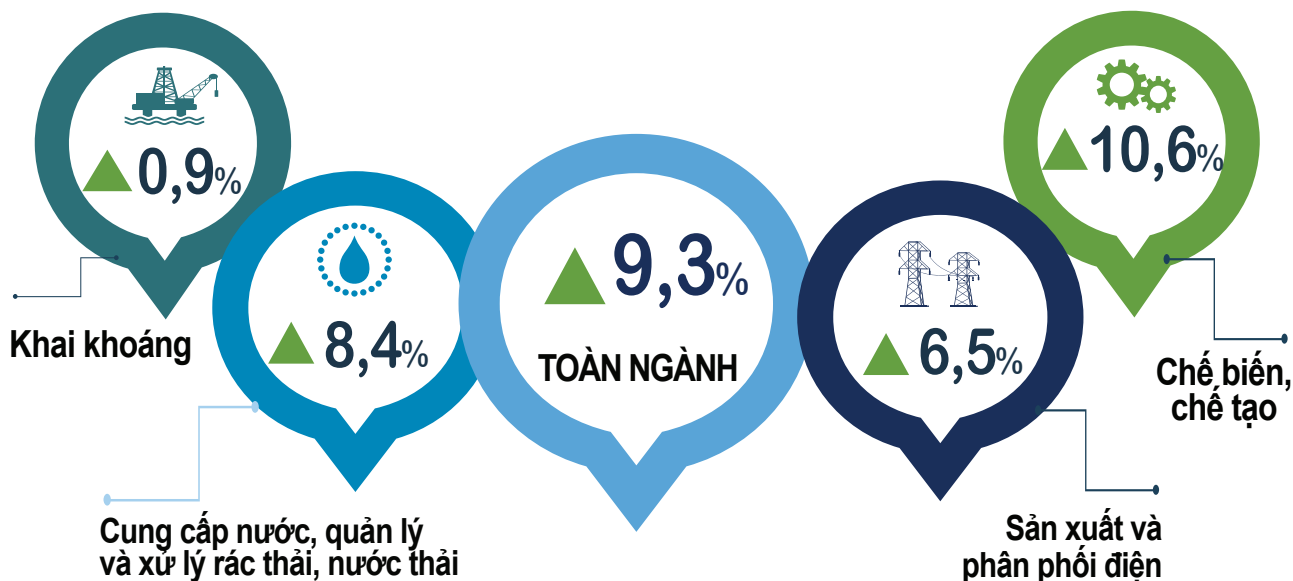
9.049,6
nghìn tấn

▲ 2,9%



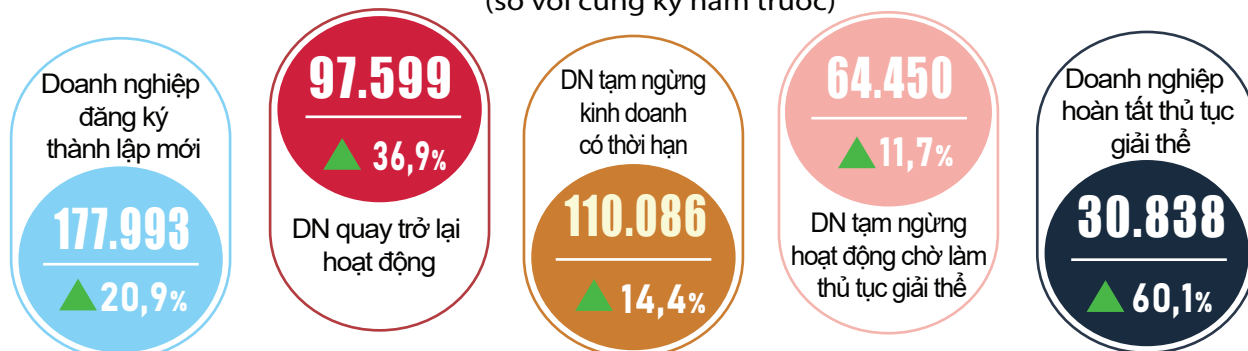
SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 11 THÁNG NĂM 2025

Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 11 THÁNG NĂM 2025

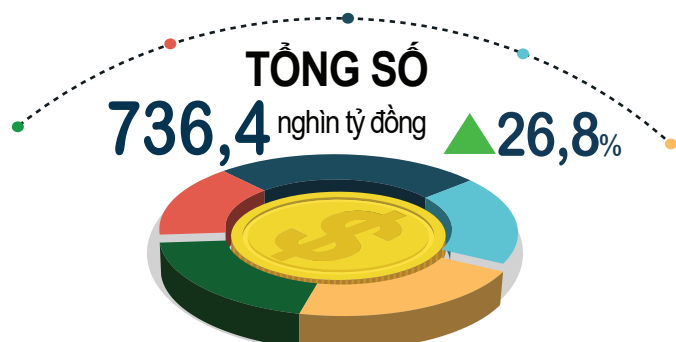
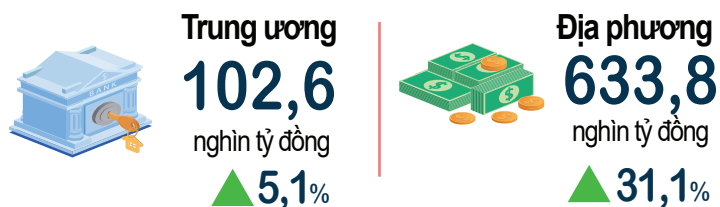
(so với cùng kỳ năm trước)



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

(so với cùng kỳ năm trước)

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2025



Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-30/11/2025

Tổng vốn FDI vào Việt Nam
33,69 tỷ USD (▲ 7,4%)

Tổng vốn FDI thực hiện
23,60 tỷ USD (▲ 8,9%)

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 11 THÁNG NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)

4.859,0

nghìn tỷ đồng

▲ 7,9%

Bán lẻ hàng hóa

767,8

nghìn tỷ đồng

▲ 14,6%

Lưu trú, ăn uống

85,4

nghìn tỷ đồng

▲ 19,9%

Du lịch lữ hành

665,5

nghìn tỷ đồng

▲ 11,2%

Dịch vụ khác

TỔNG SỐ | **6.377,7** nghìn tỷ đồng ▲ 9,1%

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 11 THÁNG NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)

TỔNG KIM NGẠCH



Xuất khẩu

430,14 tỷ USD

▲ 16,1%

839,75 tỷ USD ▲ 17,2%



Nhập khẩu

409,61 tỷ USD

▲ 18,4%

XUẤT SIÊU **20,53** tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

100,45%

CPI tháng 11/2025
so với
tháng trước



103,58%

CPI tháng 11/2025
so với
tháng 11/2024



103,29%

CPI bình quân
11 tháng năm 2025
so với cùng kỳ
năm trước



145,77%

Chỉ số giá vàng
bình quân 11 tháng
năm 2025 so với
cùng kỳ năm trước



103,94%

Chỉ số giá đô la Mỹ
bình quân 11 tháng
năm 2025 so với cùng
kỳ năm trước



VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 11 THÁNG NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)



Vận tải hành khách

Vận chuyển

5.635,0 triệu lượt khách ▲ 22,4%

Luân chuyển

285,5 tỷ khách.km ▲ 13,8%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

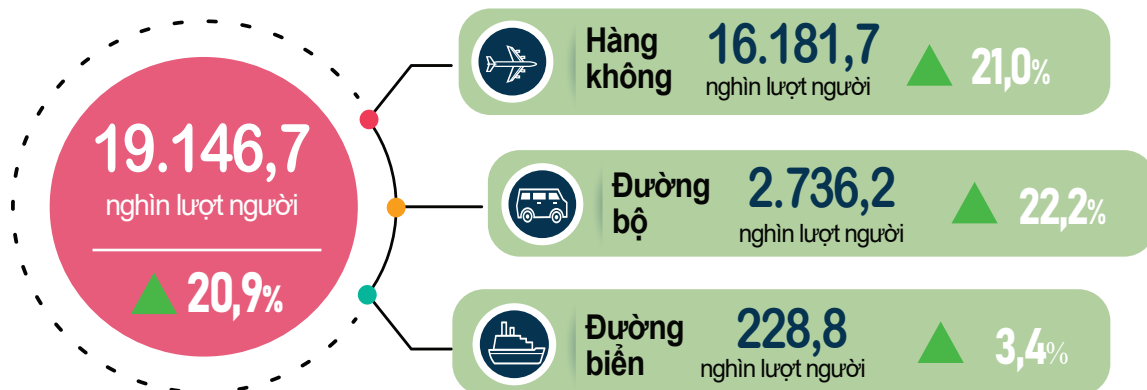
2.773,9 triệu tấn ▲ 14,7%

Luân chuyển

562,9 tỷ tấn.km ▲ 14,0%

KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 11 THÁNG NĂM 2025

(so với cùng kỳ năm trước)



Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á

15.095,3 ▲ 19,7%

Châu Âu

2.456,7 ▲ 37,8%

Châu Mỹ

993,7 ▲ 9,4%

Châu Úc

549,8 ▲ 13,5%

Châu Phi

51,2 ▲ 9,0%

TAI NẠN GIAO THÔNG 11 THÁNG NĂM 2025

Số vụ tai nạn

16.816

Bình quân 1 ngày

50

Vụ

Số người chết

9.502

Bình quân 1 ngày

28

người

Số người bị thương

11.142

Bình quân 1 ngày

33

người